# Thính Trúc Hiên

**V.N.**

Người Việt Nam mình có một thứ giàu sang rất đặc biệt: *giàu từ*.

Cũng một giống cây thuộc họ Hòa thảo (*Poaceae*), nhìn từ xa chỉ thấy thân xanh, lá nhỏ, mọc thành bụi, vậy mà tiếng Việt đã chia ra biết bao nhiêu tên gọi: *tre, trúc, nứa, vầu, lồ-ô, giang, le, mum...*

Mỗi tên một dáng.

Mỗi dáng một vùng đất.

Mỗi vùng đất lại gắn với một kỷ niệm.

Người Trung Hoa, nói một cách đơn giản, gom cả một thế giới ấy vào chữ trúc 竹. Chữ 竹 đẹp. Chỉ hai nét cong cong phía trên, người xưa đã nhìn ra hình ảnh hai nhánh lá. Từ một chữ ấy mà sinh ra biết bao nhiêu chữ khác: *tiêu* 笑, *địch* 笛, *quản* 管, *giản* 簡... Tre trúc đi vào văn hóa Trung Hoa sâu đến nỗi dường như ở đâu có chữ nghĩa, ở đó thấp thoáng bóng một thân trúc.

Nhưng tiếng Việt thì không chịu gom. Người Việt thích gọi tên từng thứ.

Tre là tre.

Trúc là trúc.

Nứa là nứa.

Vầu là vầu.

Lồ-ô là lồ-ô.

Có lẽ vì người Việt đã sống quá gần cây cỏ. Gần đến nỗi không thể gọi tất cả bằng một cái tên chung.

Một người thành phố nhìn một bụi cây có thể chỉ nói:

— Cây tre.

Nhưng người sống ở miền rừng, miền núi có khi nhìn một cái là biết ngay: không phải tre, đó là *nứa*; không phải nứa, đó là *vầu*; còn kia mới là *lồ-ô*….

Tên gọi khác nhau bởi thân khác nhau, đốt khác nhau, lá khác nhau, công dụng khác nhau. Và có lẽ, quan trọng hơn hết: *tiếng gió đi qua mỗi thứ cũng khác nhau.*

**... Hai chậu trúc và một giấc mơ nghe gió**

Mấy năm nay, tôi mua hai chậu trúc kiểng khá lớn, đem đặt hai bên chiếc bàn uống trà ngoài vườn sau nhà.

Ý tưởng rất văn chương.

Nghe cũng rất... Trung Hoa.

Tôi gọi chỗ ấy là "thính trúc hiên".

"Hiên" là mái hiên, hành lang, một khoảng nhà mở ra với thiên nhiên. "Thính" là nghe. "Thính trúc" 聽竹, nếu nói theo lối chơi chữ Hán, là nghe tiếng trúc.

Thế là ngoài sân sau nhà tôi bỗng có một cái tên thật tao nhã: Thính Trúc Hiên — *nghe trúc trong gió*.

Tên thì đẹp lắm. Chỉ có điều... trúc không chịu hợp tác.

Hai bụi trúc kiểng đứng rất nghiêm chỉnh trong chậu. Lá xanh tốt. Dáng thanh mảnh. Nhìn rất có phong vị Đông phương. Có khách đến chơi, ngồi uống trà, ai cũng có thể tưởng tượng mình đang ở một ngôi nhà nhỏ bên Tây Hồ hay một ngôi am nào đó trên núi.

Chỉ thiếu một điều.

… Không nghe thấy gì cả**.**

Muốn nghe tiếng trúc xào xạc thì phải có gió. Mà muốn

có tiếng xào xạc thì phải có thật nhiều trúc. Hai chậu trúc kiểng của tôi, dù có lớn đến đâu, cũng chỉ là hai chậu cây. Gió thổi qua, cùng lắm vài chiếc lá rung rung.

Có hôm tôi ngồi uống trà, cố giữ im lặng để nghe. Không nghe thấy trúc. Chỉ nghe thấy xe hơi ngoài đường. Rồi máy lạnh nhà hàng xóm. Rồi tiếng máy bay. Rồi tiếng chim. Rồi tiếng vợ tôi từ trong nhà vọng ra:

*— Chẳng nghe thấy gì, chỉ thấy lá rụng đầy sân! Quét mệt quá!*

Thế là cái "thính trúc hiên" đang từ một cảnh giới thiền định bỗng trở thành... một vấn đề vệ sinh sân vườn.

Tôi không biết các thi nhân đời Đường có phải tự quét lá trúc mỗi buổi sáng hay không. Nếu phải quét, biết đâu thơ của họ đã khác.

Có lẽ thay vì "*Trúc ngoại đào hoa tam lưỡng chi*..." họ sẽ viết một bài dài về... *cái chổi*.

Bởi vì trong văn chương, lá trúc rơi xuống sân là *thi vị*. Trong đời sống gia đình, lá trúc rơi xuống sân là *việc phải làm.* Đó là một trong những khác biệt lớn nhất giữa *thơ* và *hôn nhân*.

**... Tiếng trúc của ký ức**

Nhưng vợ tôi nói cũng không làm tôi bỏ hai chậu trúc ấy bởi vì tôi biết điều tôi muốn nghe, thật ra không phải tiếng của hai bụi trúc kiểng ngoài sân sau.

Tôi đang cố nghe lại một âm thanh khác. Một âm thanh

từ rất xa. Xa không phải chỉ vài ngàn dặm. Mà xa đến bốn mươi mấy năm. Đó là tiếng của những cánh rừng ở Bình Long, Phước Long trong những năm 1980…

Những năm ấy, tôi từng theo xe tải đi xuyên rừng để thu mua *song mây* cho các công ty xuất nhập khẩu. Ai chưa từng đi những con đường rừng thời ấy khó hình dung được cái cảm giác của một chuyến xe tải xuyên qua vùng núi.

Đường ngoằn ngoèo.

Đất đỏ.

Ổ gà.

Ổ voi.

Xe chạy thì dằn xóc.

Người ngồi trên thùng xe nhiều lúc không biết mình đang đi hay đang bị ném lên ném xuống.

Hai bên đường là rừng.

Rừng dày.

Rừng tối.

Rừng như nuốt lấy con đường.

Có những đoạn ban ngày mà ánh sáng vẫn không xuống được đến mặt đất. Cây cao che cây thấp. Dây leo quấn lấy thân cây. Những bụi tre, nứa, lồ-ô, mum chen vào nhau thành những bức tường xanh.

Chiếc xe tải cứ thế bò đi.

Tiếng máy nổ.

Tiếng bánh xe nghiến trên đá.

Tiếng thùng xe rung lên.

Tiếng người nói chuyện.

Rồi có lúc xe dừng.

Và chính vào những lúc ấy, rừng mới bắt đầu nói.

**... Rừng nói bằng tiếng xào xạc**

Người thành phố thường nghĩ rừng là yên tĩnh.

Không đúng.

Rừng không bao giờ thật sự yên tĩnh.

Rừng chỉ có một thứ im lặng khác.

Khi tiếng động của con người ngừng lại, ta bắt đầu nghe những âm thanh vốn vẫn có đó.

Tiếng lá.

Tiếng cành.

Tiếng côn trùng.

Tiếng chim.

Tiếng một vật gì rơi xuống rất xa.

Tiếng gió đi qua ngọn cây.

Và đặc biệt là tiếng của những rừng tre, nứa, vầu.

*Xào xạc*.

Một tiếng rất Việt Nam.

Không có từ nào khác thay thế được.

“Rì rào” là tiếng sóng, tiếng gió.

“Vi vu” thường là tiếng gió.

“Lao xao” là tiếng động lẫn lộn.

Nhưng *xào xạc* là tiếng của lá khô, lá nhỏ, những cành mảnh va vào nhau.

Nó không ầm ĩ.

Không dữ dội.

Nó là một thứ âm thanh vừa nghe vừa như không nghe.

Như tiếng thời gian.

Như tiếng người cũ nói chuyện trong ký ức.

Một bụi tre trước gió chỉ có thể xào xạc.

Nhưng một cánh rừng tre thì khác. Cả khu rừng như có một hơi thở. Gió từ đâu đến, chạy qua những ngọn cây, rồi những chiếc lá cùng nghiêng đi.

Một đợt.

Rồi một đợt khác.

Âm thanh chạy từ xa đến gần.

Hoặc từ gần đi xa.

Ta không nhìn thấy gió. Nhưng ta biết gió đang đi đâu.

Bởi vì *tre nói cho ta biết*.

Có lẽ vì thế mà người xưa thích trúc. Không chỉ vì trúc xanh. Không chỉ vì thân trúc thẳng. Không chỉ vì trúc tượng trưng cho người quân tử. Mà còn vì trúc là một loài cây *biết nói bằng gió*.

**... Nghe tiếng măng mọc**

Có một điều kỳ lạ mà những ai chưa sống gần rừng tre, rừng nứa có lẽ khó tin.

Đó là chuyện *nghe tiếng măng mọc*.

Măng là một trong những phép lạ bình thường nhất của thiên nhiên.

Ta nhìn một bụi tre, hôm nay chưa thấy gì. Sáng hôm sau đã thấy một cái măng nhú lên. Rồi vài ngày sau, nó đã cao đến mức không còn nhận ra nữa.

Tre thuộc vào những loài thực vật có tốc độ sinh trưởng rất nhanh. Một số loài tre lớn lên nhanh đến mức trong điều kiện thuận lợi, người ta có thể thấy sự thay đổi gần như từng giờ.

Trong những đêm rừng yên tĩnh, đứng gần những bụi tre, bụi nứa đang lên măng, có lúc tưởng như có thể nghe thấy:

*răng rắc...*

*răng rắc...*

Không phải lúc nào cũng nghe rõ. Có thể đó là tiếng bẹ

măng bung ra. Tiếng thân non đẩy mình qua lớp đất. Tiếng các đốt phát triển. Tiếng một sức sống đang mở khóa chính nó. Nhưng trong trí nhớ tôi, tiếng ấy rất thật.

Một đêm.

Một khu rừng.

Chiếc xe tải đã ngừng.

Con người đã thôi nói.

Và đâu đó, những thân măng đang vươn lên.

Chỉ vài tiếng đồng hồ, chúng có thể cao thêm đến mức khiến người ta kinh ngạc.

Có những loài cây cần cả chục năm để thành một thân lớn. Tre thì dường như đã dành nhiều năm âm thầm chuẩn bị dưới đất. Đến lúc cần mọc, nó mọc thật nhanh.

Điều ấy làm tôi nghĩ đến con người.

Có những người ta tưởng chẳng làm gì. Họ im lặng nhiều năm. Đọc sách. Học hỏi. Suy nghĩ. Chịu đựng.

Rồi một ngày nào đó, họ bỗng vươn lên.

Người ngoài tưởng rằng thành công đến bất ngờ, nhưng dưới mặt đất, bộ rễ đã làm việc từ rất lâu. Tre dạy ta bài học ấy. *Không phải cái gì mọc nhanh cũng bắt đầu nhanh.*

**... Tre của người Việt**

Nếu người Trung Hoa có *Mai, Lan, Cúc, Trúc* — bốn loài cây tượng trưng cho bốn phẩm chất thanh cao — thì

người Việt có một mối quan hệ gần gũi hơn, thực tế hơn với tre.

Tre không chỉ để ngắm.

Tre để sống.

Tre làm nhà.

Tre làm đũa.

Tre làm rổ.

Tre làm rá.

Tre làm thúng.

Tre làm nong.

Tre làm nia.

Tre làm đòn gánh.

Tre làm cán cuốc.

Tre làm hàng rào.

Tre làm cầu.

Tre làm sáo.

Tre làm cần câu.

Tre làm vũ khí.

Tre còn đi vào ca dao, tục ngữ, truyện cổ và ký ức làng quê.

“Tre già măng mọc.” Chỉ bốn chữ mà đã thành một triết lý về sự tiếp nối. Thế hệ này qua đi. Thế hệ khác đến.

Cây tre già có thể chết nhưng dưới gốc, măng đã mọc. Không có gì thật sự kết thúc.

Người Việt cũng thích tre vì tre biết *uốn*.

Một cây quá cứng có thể gãy. Tre gặp gió thì nghiêng. Gió qua rồi, tre lại đứng. Trong đó có một thứ triết lý Á Đông rất đẹp: Không phải lúc nào đứng thẳng cũng có nghĩa là không biết cúi xuống**.** Biết cúi xuống đúng lúc, đôi khi mới là cách giữ được mình.

**... Trúc của người xưa và tre của đời nay**

Trong thơ văn cổ, người ta thường nói *trúc*. Nghe đã thấy thanh nhã.

"Trúc" là chữ của thư phòng. Của tranh thủy mặc. Của người quân tử. Của tiếng sáo. Của đêm trăng.

Nhưng "tre" nghe gần gũi hơn. Tre là bờ tre đầu làng. Tre là tiếng võng. Tre là bụi tre sau nhà. Tre là những chiếc đòn gánh của mẹ.

Trúc thuộc về văn chương. Tre thuộc về đời sống.

Dĩ nhiên, đó chỉ là một cách nói.

Trong thực tế, ranh giới giữa tre và trúc không phải lúc nào cũng rõ ràng. Nhiều tên gọi dân gian thay đổi theo vùng miền. Cũng có những cây cùng thuộc nhóm tre trúc nhưng người vùng này gọi một tên, vùng khác lại gọi tên khác. Và đó chính là điều thú vị.

Ngôn ngữ không phải một cái tủ đựng nhãn khoa học.

Ngôn ngữ là *ký ức của một dân tộc*.

Người Eskimo có nhiều từ để nói về tuyết — người ta thường kể như thế.

Người Việt thì có rất nhiều tên để gọi những loại cây sống cùng mình bởi vì cái gì gần gũi, con người sẽ gọi tên kỹ hơn.

Người sống trong rừng không nhìn thấy một màu xanh chung chung. Họ thấy từng loại cây.

Người sống bằng nghề sông nước không chỉ thấy một thứ "nước". Họ biết nước lớn, nước ròng, nước đứng, nước rong, nước bạc...

Người Việt sống gần tre trúc nên không chỉ có một chữ. *Tre, Trúc, Nứa, Vầu, Lồ-ô, Mum, Le, Giang…*

Mỗi tiếng gọi như giữ lại một mảnh địa phương.

Một mảnh rừng.

Một giọng nói.

Một quê hương.

**... Hai bụi trúc không thành rừng**

Bây giờ, ngồi ngoài sân sau nhà, trước mặt tôi là hai chậu trúc kiểng.

Bên cạnh là bàn uống trà.

Xa hơn là hàng rào.

Trời California trong xanh.

Không có những con đường đất đỏ ngoằn ngoèo của Bình Long.

Không có chiếc xe tải dằn xóc.

Không có những chuyến đi thu mua song mây.

Không có những cánh rừng âm u của Phước Long.

Và dĩ nhiên, hai bụi trúc kiểng này cũng không thể nào làm nên tiếng xào xạc của một rừng tre.

Vợ tôi vẫn đúng.

Lá vẫn rụng.

Sân vẫn phải quét.

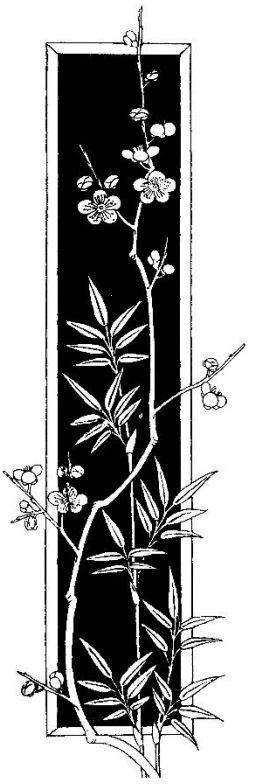

Và "thính trúc hiên" vẫn thường xuyên... không nghe thấy trúc. Nhưng có lẽ vợ tôi cũng chưa biết rằng tôi đâu có ngồi đó để nghe hai bụi trúc ấy. Tôi ngồi đó để nghe *một khu rừng đã mất trong thời gian.*

Tiếng trúc ngoài sân có thể không đủ lớn. Nhưng tiếng trúc trong trí nhớ thì vẫn còn.

Chỉ cần một buổi chiều có gió.

Một chén trà.

Một chiếc lá rung lên.

Một tiếng xào xạc rất nhẹ.

Thế là bỗng nhiên chiếc sân sau ở California biến mất.

Trước mắt lại hiện ra một con đường rừng.

Một chiếc xe tải cũ.

Một khu rừng Bình Long.

Một khoảng Phước Long xa xăm.

Những bụi nứa.

Những rừng mum.

Những thân lồ-ô.

Và đâu đó trong đêm, một tiếng rất khẽ:

*răng rắc...*

Có lẽ là măng đang mọc.

Có lẽ là bẹ lá đang bung.

Có lẽ chỉ là một âm thanh của rừng.

Nhưng cũng có thể đó là *thời gian đang mọc lại.*

Và tôi chợt hiểu: Con người ta, khi già đi một chút, thường thích trồng cây. Không hẳn vì cần bóng mát. Không hẳn vì thích làm vườn. Đôi khi ta trồng một cái cây chỉ để giữ lại một tiếng nói của quá khứ.

Tôi đặt hai chậu trúc cạnh bàn trà.

Vợ tôi nhìn thấy lá rụng. Tôi nhìn thấy một cánh rừng.

Vợ tôi nghe tiếng chổi quét sân. Tôi nghe tiếng tre xào xạc.

Vợ tôi nói:

— *Có nghe thấy gì đâu!*

Tôi không cãi.

Bởi vì bà nói đúng.

Ngoài kia, có lẽ chẳng có gì để nghe thật. Nhưng ở một nơi nào đó, rất sâu trong trí nhớ, những rừng tre, nứa, vầu, lồ-ô của Bình Long và Phước Long vẫn đang xào xạc. Và những ngọn măng vẫn đang răng rắc vươn lên trong đêm.

Cho nên cái "Thính Trúc Hiên" của tôi, suy cho cùng, không phải là một cái hiên để nghe tiếng trúc.

Nó là một cái hiên để nghe lại chính mình.

Nghe lại một thời đã qua.

Nghe tiếng bánh xe tải trên đường rừng.

Nghe tiếng người gọi nhau trong những chuyến đi xa.

Nghe tiếng lá.

Nghe tiếng gió.

Nghe tiếng măng mọc.

Và nghe, trong cái xào xạc tưởng như rất nhỏ ấy, cả một phần đời cũ vẫn chưa chịu im tiếng.

Hai chậu trúc ngoài sân có thể không đủ làm thành một khu rừng. Nhưng đôi khi, chỉ cần một chiếc lá rung trong gió, cả một cánh rừng của đời người cũng có thể trở về.

## Vịnh Thính Trúc Hiên Nhị Bồn Thúy Trúc

幽軒翠竹映斜陽，
雅士虛心守節剛。
歲晚梅松為竹友，
梅蘭菊竹列群芳。
虛懷納物心常靜，
直節凌霜志愈昂。
畫竹文同留妙筆，
清風入座滿庭香。

### Phiên âm Hán-Việt

U hiên thúy trúc ánh tà dương,
Nhã sĩ hư tâm thủ tiết cương.
Tuế vãn mai tùng vi trúc hữu,
Mai lan cúc trúc liệt quần phương.
Hư hoài nạp vật tâm thường tĩnh,
Trực tiết lăng sương chí dũ ngang.
Họa trúc Văn Đồng lưu diệu bút,
Thanh phong nhập tọa mãn đình hương.

### Dịch nghĩa

Hiên vắng, trúc xanh soi bóng nắng chiều,
Người tao nhã giữ lòng khiêm hư, giữ tiết cứng cỏi.
Cuối năm, mai và tùng làm bạn với trúc,
Mai, lan, cúc, trúc cùng đứng hàng các loài hoa thơm đẹp.

Lòng rỗng rang dung nạp muôn vật, tâm thường tĩnh lặng,
Đốt trúc ngay thẳng vượt qua sương giá, chí càng thêm cao.
Văn Đồng vẽ trúc, để lại ngọn bút tuyệt diệu,
Gió trong vào chỗ ngồi, hương thơm tràn đầy sân.

**Dịch thơ**

Hiên thanh trúc biếc nghiêng tà,
Bên song quân tử thật là thanh cao.
Cuối năm mai, trúc, tùng giao,
Mai lan cúc trúc cùng vào quần phương.
Lòng hư dung nạp muôn đường,
Đốt ngay vượt tuyết, chí thường càng cao.
Văn Đồng họa trúc năm nào,
Thanh phong nhập tọa, hương vào đầy sân.

## CHÚ THÍCH

### 1. 聽竹軒 — Thính Trúc Hiên

- 聽 (thính): nghe.
- 竹 (trúc): cây tre, trúc; trong văn chương cổ thường tượng trưng cho người quân tử.
- 軒 (hiên): nhà nhỏ có mái hiên, hoặc gian nhà mở ra cảnh thiên nhiên.

Thính Trúc Hiên nghĩa là *hiên nghe tiếng trúc*. Đây là tên đặt cho khoảng bàn trà bên hai chậu trúc ngoài sân sau.

Điều thú vị là hai chậu trúc không đủ tạo thành tiếng xào xạc như một rừng tre; vì thế cái "thính trúc" ở đây không chỉ là nghe tiếng cây, mà còn là nghe lại tiếng rừng trong ký ức.

### 2. 斜陽 — tà dương

"Ánh nắng chếch về chiều", thường dùng trong thơ cổ để gợi buổi chiều và một chút cảm giác hoài niệm.
Trong câu:

幽軒翠竹映斜陽
*U hiên thúy trúc ánh tà dương*

hình ảnh trúc xanh soi dưới nắng chiều tạo nên không khí thanh tĩnh của một hiên uống trà.

**3. 虛心 — hư tâm**

Đây là một chữ rất đẹp khi nói về trúc.

虛 là rỗng; 心 là lòng, tâm. Thân trúc có những khoang rỗng bên trong, nên người xưa mượn đặc điểm ấy để ví với người quân tử lòng khiêm hư, không tự mãn, có khả năng tiếp nhận điều hay.

"Hư tâm" cũng có nghĩa rộng là giữ lòng khiêm tốn, cởi mở.

Câu:

雅士虛心守節剛
*Nhã sĩ hư tâm thủ tiết cương*

có thể hiểu: Người tao nhã giữ lòng khiêm hư, đồng thời giữ khí tiết cứng cỏi.

Đây chính là một nghịch lý đẹp của trúc: bên trong rỗng mà bên ngoài cứng; biết khiêm nhường mà không nhu nhược.

**4. 節 — tiết**

"Tiết" trước hết là *đốt trúc* — những khoảng phân chia trên thân cây. Nhưng 節 cũng có nghĩa là tiết tháo, khí tiết, phẩm cách.

Do đó văn chương cổ rất thích chơi chữ với cây trúc:

竹有節，君子有節
Trúc có đốt; người quân tử có tiết.

Thân trúc có từng đốt rõ ràng → người quân tử có khí tiết.

Đây là một trong những biểu tượng căn bản nhất của trúc quân tử.

### 5. 歲寒三友 — Tuế hàn tam hữu

Trong bài có câu: 歲晚梅松為竹友
*Tuế vãn mai tùng vi trúc hữu*

gợi điển *Tuế hàn tam hữu* 歲寒三友, nghĩa là ba người bạn trong tiết lạnh: 松 Tùng – 竹 Trúc – 梅 Mai.

Điển này dựa trên hình ảnh ba loài cây có sức chịu đựng mùa lạnh. Tùng vẫn xanh, trúc vẫn xanh, mai vẫn nở trong giá rét.

"Tuế hàn" 歲寒 nghĩa là tiết trời lạnh, mùa đông, nhưng trong văn chương Nho gia còn gợi một ý sâu hơn*: gian nan mới thử được phẩm chất của con người*. Cho nên trúc không chỉ đẹp lúc trời xuân. Cái đáng quý của trúc là gặp giá rét vẫn giữ màu xanh.

### 6. 四君子 — Tứ quân tử

Câu: 梅蘭菊竹列群芳
*Mai lan cúc trúc liệt quần phương*

gợi nhóm Tứ quân tử 四君子:

- 梅 — Mai
- 蘭 — Lan
- 竹 — Trúc
- 菊 — Cúc

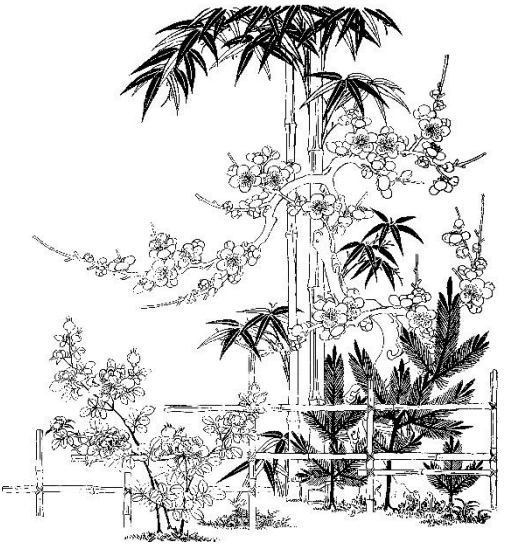

Đây là bốn hình tượng thực vật đặc biệt quan trọng trong hội họa và văn chương Trung Hoa truyền thống.

Mỗi loài biểu hiện một phẩm chất:

- Mai: thanh cao, chịu lạnh.
- Lan: u nhã, không phô trương.
- Trúc: chính trực, khiêm hư, có khí tiết.
- Cúc: thanh khiết, ẩn dật, không màng thế tục.

Vì vậy chữ 君子 không có nghĩa là cây cối thật sự là "quân tử"; đây là phép nhân cách hóa, lấy đặc tính của cây để nói về phẩm chất con người.

## 7. 虛懷納物 — hư hoài nạp vật

Câu: 虛懷納物心常靜
*Hư hoài nạp vật tâm thường tĩnh*

có thể hiểu: "Lòng rỗng rang thì dung nạp được muôn vật, tâm thường được tĩnh."

Ở đây 懷 (hoài) là *lòng, tâm*; 納物 (nạp vật) là *tiếp nhận*,

dung chứa vạn vật. Ý tưởng này rất hợp với hình tượng cây trúc: ruột rỗng mà thân vẫn đứng thẳng.

Cái "rỗng" của trúc vì thế không phải là trống rỗng theo nghĩa thiếu thốn, mà là *không đầy cái tôi, nên có thể tiếp nhận thế giới.*

### 8. 凌霜 — lăng sương

Câu: 直節凌霜志愈昂
*Trực tiết lăng sương chí dũ ngang*

**凌** là vượt qua, lấn át; **霜** là sương giá.

"Lăng sương" vì thế là vượt qua sương giá.

Hình ảnh này tiếp tục nối với Tuế hàn tam hữu: trúc chịu được thời tiết khắc nghiệt mà vẫn giữ dáng thẳng.

志愈昂: chí càng cao, tinh thần càng vươn lên.

Như vậy, câu thơ không chỉ tả cây trúc mà còn nói về người quân tử trong nghịch cảnh.

### 9. 文同 — Văn Đồng

Câu: 畫竹文同留妙筆
*Họa trúc Văn Đồng lưu diệu bút*

nhắc đến *Văn Đồng* 文同 (1018–1079), danh sĩ đời Bắc Tống, nổi tiếng đặc biệt về vẽ trúc.

Văn Đồng có hiệu *Dữ Khả* 與可, và là người bạn, người

đồng thời rất được *Tô Thức* 蘇軾 (Tô Đông Pha) nhắc đến trong văn chương. Ông quan sát trúc rất kỹ, đến mức hình ảnh cây trúc đã trở thành một phần trong tâm trí trước khi đặt bút.

Từ truyền thống ấy mới có thành ngữ nổi tiếng:

胸有成竹 — Hung hữu thành trúc

Nghĩa: "Trong bụng đã có sẵn một cây trúc hoàn chỉnh."

Nghĩa bóng: Đã có sẵn chủ ý, hình dung và kế hoạch trước khi bắt tay vào việc.

Đây là một điển rất đẹp khi nói về nghệ thuật: người nghệ sĩ giỏi không phải chỉ cầm bút rồi mới tìm đối tượng; hình ảnh đã thành hình trong tâm trước khi nó hiện ra trên giấy.

## 10. 清風 — thanh phong

Câu: 清風入座滿庭香
*Thanh phong nhập tọa mãn đình hương*

**清風** nghĩa đen là *ngọn gió trong, gió mát.*

Trong văn chương cổ, "thanh phong" còn thường gợi một thứ khí vị thanh cao, không vướng bụi trần.

Ở đây có thể hiểu rất tự nhiên theo hoàn cảnh Thính Trúc Hiên: gió từ ngoài vườn thổi vào chỗ ngồi uống trà. Nhưng chữ 清 còn khiến câu thơ có thêm một lớp nghĩa: gió thanh → cảnh thanh → lòng thanh.

**11. 滿庭香 — mãn đình hương**

庭 là *sân*, khoảng sân trong nhà.

滿庭香: hương thơm tràn đầy sân.

Trúc vốn không phải loài cây nổi tiếng vì hoa thơm, nên "hương" trong câu này không nhất thiết là mùi hương vật chất của trúc. Có thể hiểu rộng là hương vị thanh nhã của cảnh vật, trà, gió và tâm cảnh. Đặt câu này trở lại hoàn cảnh của tác giả, nó có một ý khá thú vị:

Hai chậu trúc có thể không đủ để "thính" được tiếng trúc, nhưng chỉ cần ngồi bên bàn trà, có gió nhẹ, có lá trúc rung, thì cái hương của ký ức đã đầy cả sân.

**Một điều đáng chú ý về toàn bài**

Các điển trong bài thực ra nối với nhau thành một chuỗi tư tưởng về người quân tử:

竹 → 虛心 → 節 → 直 → 凌霜 → 歲寒三友 → 四君子 → 文同

Từ một cây trúc ngoài sân, người xưa nhìn thấy:

ruột rỗng → khiêm nhường
thân thẳng → chính trực
có đốt → có khí tiết
chịu sương → kiên cường
xanh giữa mùa lạnh → không đổi chí.

Bài thơ còn có thêm một tầng nghĩa rất riêng: trúc hiện tại chỉ là cái cớ để gọi về rừng tre, nứa, vầu, lồ-ô của Bình Long và Phước Long ngày xưa. Vì vậy, "thính trúc" cuối cùng không chỉ là nghe trúc, mà là nghe ký ức qua tiếng trúc.